

Số: 3366 /NQ-ĐHKHTN-HĐT

Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về việc ban hành Chiến lược phát triển
Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội
đến năm 2035, tầm nhìn 2045**

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ-ĐHQGHN ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2068/QĐ-ĐHKHTN ngày 16 tháng năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên;

Căn cứ Quyết định số 2147/QĐ-ĐHQGHN ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Khoa học Tự nhiên nhiệm kỳ 2023-2028;

Căn cứ Nghị Quyết số 3355/NQ-ĐHKHTN-HĐT ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN nhiệm kỳ 2023-2028;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng trường Trường Đại học Khoa học Tự nhiên tại phiên họp ngày 26 tháng 9 năm 2024,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chiến lược phát triển Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội đến năm 2035, tầm nhìn 2045.

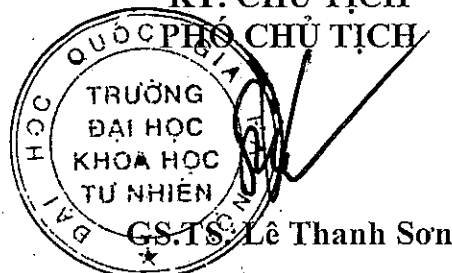
Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3728/QĐ-ĐHKHTN ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Khoa học Tự nhiên đến năm 2025, tầm nhìn 2035.

Điều 3. Hội đồng trường, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Đảng ủy Trường (để chỉ đạo);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, VPHĐT, LP05.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
KT. CHỦ TỊCH**



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN



HUS
VNU UNIVERSITY OF SCIENCE

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐẾN NĂM 2035, TẦM NHÌN 2045

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 3366/NQ-ĐHKHTN-HĐT ngày 02 tháng 10 năm 2024
của Hội đồng trường Trường Đại học Khoa học Tự nhiên)*

Hà Nội, 2024

MỤC LỤC

1. MỞ ĐẦU	1
2. BỐI CẢNH	1
2.1. Quốc tế.....	1
2.2. Trong nước.....	2
3. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN	5
4. SỨ MẠNG, TẦM NHÌN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI, TRIẾT LÝ GIÁO DỤC VÀ KHẨU HIỆU HÀNH ĐỘNG	5
4.1. Sứ mạng.....	5
4.2. Tầm nhìn	6
4.3. Giá trị cốt lõi	6
4.4. Triết lý giáo dục	6
4.5. Khẩu hiệu hành động.....	6
5. MỤC TIÊU.....	6
5.1. Mục tiêu chung.....	6
5.2. Mục tiêu cụ thể.....	6
6. NHIỆM VỤ	8
6.1. Đào tạo	8
6.2. Khoa học và công nghệ	9
6.3. Hợp tác và phát triển	9
7. GIẢI PHÁP	10
7.1. Chuyển đổi số và đổi mới trong quản trị đại học	10
7.2. Phát triển đội ngũ cán bộ khoa học trình độ cao	11
7.3. Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo	12
7.4. Nâng cao quy mô và chất lượng nghiên cứu khoa học	13
7.5. Hiện đại hóa cơ sở vật chất	15
7.6. Gia tăng các nguồn lực tài chính.....	16
7.7. Nâng cao hiệu quả các hoạt động hợp tác phát triển.....	16
7.8. Đẩy mạnh các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.....	17
8. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	18
8.1. Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	18
8.2. Các đơn vị trong Trường.....	18
PHỤ LỤC CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN.....	20

1. MỞ ĐẦU

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên là một cơ sở giáo dục đại học uy tín, đóng vai trò nòng cốt trong Đại học Quốc gia Hà Nội. Với bề dày gần 70 năm xây dựng và phát triển, kế thừa từ Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội trước đây và Trường Đại học Khoa học Tự nhiên ngày nay, nhà trường đã đạt được nhiều thành tựu xuất sắc trong công tác đào tạo và nghiên cứu, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Là một trong những trường đại học hàng đầu Việt Nam về khoa học cơ bản, trong những năm qua, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên không chỉ ghi dấu ấn với những thành tích đáng tự hào mà còn đối mặt và vượt qua nhiều khó khăn, thách thức.

Chiến lược phát triển Trường Đại học Khoa học Tự nhiên đến năm 2035, tầm nhìn 2045, định hướng nhà trường trong 20 năm tới nhằm tiếp tục phát huy các thành tựu đã đạt được, khắc phục những hạn chế và đưa Trường trở thành một đại học nghiên cứu tiên tiến trong khu vực châu Á. Chiến lược này được xây dựng phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn, vai trò và vị thế của Trường, đồng thời gắn liền với sự phát triển bền vững của đất nước.

Chiến lược phát triển này được xây dựng dựa trên sự kế thừa Bản chiến lược đến năm 2025, tầm nhìn 2035 của Nhà trường, cùng với việc thực hiện Chiến lược phát triển của Đại học Quốc gia Hà Nội và các Nghị quyết Trung ương về đổi mới giáo dục và đào tạo, phát triển khoa học và công nghệ. Đồng thời, bản chiến lược cũng tham chiếu các kết quả kiểm định chất lượng giáo dục của Trường, tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu thế tăng cường tự chủ đại học.

2. BỐI CẢNH

2.1. Quốc tế

Trong hai thập kỷ qua, xu hướng toàn cầu chuyển dịch sang nền kinh tế tri thức đã làm gia tăng nhu cầu lao động trí thức, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Trước tình hình này, các trường đại học không chỉ cần thực hiện tốt hai chức năng truyền thống là đào tạo và nghiên cứu, mà còn phải đẩy mạnh đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giáo dục, nhằm đáp ứng kịp thời và hiệu quả các nhu cầu của xã hội.

Trong bối cảnh sôi động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, khoa học và công nghệ, đặc biệt là khoa học cơ bản, đóng vai trò nền tảng quan trọng. Các lĩnh vực mới như trí tuệ nhân tạo, tính toán lượng tử và công nghệ gen đều phụ thuộc vào những tiến bộ của khoa học cơ bản. Ngược lại, những thành tựu từ khoa học

và chuyển đổi số cũng tác động mạnh mẽ đến giáo dục đại học, đòi hỏi không chỉ sự cập nhật nội dung đào tạo mà còn sự thay đổi trong triết lý, mục tiêu và phương thức giảng dạy.

Sự phát triển bùng nổ của trí tuệ nhân tạo đã mang đến cho con người những công cụ đột phá, làm thay đổi đáng kể thị trường lao động toàn cầu, mở ra nhiều cơ hội mới nhưng cũng đặt ra không ít thách thức cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Tư duy, phương thức giảng dạy, học tập và nghiên cứu cần được nhanh chóng điều chỉnh để bắt kịp tốc độ phát triển của công nghệ này.

Quá trình chuyển đổi số, bắt đầu từ thời kỳ đại dịch Covid-19, đã làm thay đổi phương thức đào tạo và nghiên cứu khoa học. Công nghệ số đã giúp xóa bỏ các rào cản về khoảng cách địa lý, tạo ra nhiều cơ hội mới cho lĩnh vực giáo dục và nghiên cứu.

Các cuộc cạnh tranh thương mại giữa các cường quốc đã nhấn mạnh vai trò quan trọng của khoa học cơ bản và các công nghệ lõi trong việc phát triển các ngành công nghệ cao. Trong bối cảnh thế giới hiện nay, tiềm lực trí tuệ của mỗi quốc gia - trong đó khoa học cơ bản là thành phần cốt lõi - đã trở thành một sức mạnh vật chất quan trọng. Khoa học và con người Việt Nam đã chứng minh có đủ năng lực và tiềm năng để bắt kịp những tiến bộ của thế giới, và Việt Nam đang từng bước khẳng định vị thế quan trọng trên bản đồ khoa học quốc tế.

Trong bối cảnh này, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên có nhiều cơ hội thuận lợi để phát huy vai trò tiên phong trong nghiên cứu và đào tạo về khoa học cơ bản, đóng góp vào sự phát triển của đất nước và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

2.2. Trong nước

Trong những năm qua, giáo dục và đào tạo tại Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể. Chất lượng giáo dục từng bước được nâng cao, hệ thống giáo dục quốc dân tiếp tục được hoàn thiện. Vai trò và vị thế của các cơ sở giáo dục, đặc biệt là các trường đại học, ngày càng được khẳng định. Tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm được đề cao, chất lượng đào tạo ngày càng cải thiện, và chương trình giáo dục đã có những đổi mới quan trọng. Bên cạnh đó, lĩnh vực khoa học và công nghệ cũng đạt được nhiều thành tựu quan trọng, từng bước khẳng định vai trò là động lực then chốt trong phát triển kinh tế - xã hội. Tiềm lực khoa học và công nghệ ngày càng được củng cố, hiệu quả hoạt động được nâng cao, và trình độ công nghệ sản xuất ngày càng tiến bộ.

Tuy nhiên, hệ thống giáo dục và đào tạo vẫn còn nhiều hạn chế cần khắc phục, như chất lượng và hiệu quả giáo dục chưa đạt yêu cầu. Nội dung và chương trình đào tạo còn thiên về lý thuyết, thiếu thực hành. Đào tạo vẫn chưa gắn kết

chặt chẽ với nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động. Việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao vẫn chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Trước tình hình này, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã nhấn mạnh: "Tiếp tục đổi mới đồng bộ mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, phát triển con người toàn diện, đáp ứng những yêu cầu mới của phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0." Đồng thời, Nghị quyết cũng đề ra mục tiêu đầu tư thích đáng cho giáo dục và đào tạo chất lượng cao, phấn đấu đưa Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về giáo dục và đào tạo trong khu vực và thế giới, góp phần vào thị trường đào tạo nhân lực quốc tế.

Đại hội Đảng lần thứ XIII cũng khẳng định nhất quán chủ trương khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Điều này bao gồm việc phát triển khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, công nghệ và khoa học xã hội, với ưu tiên chuyển giao và ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội, đồng thời nâng cao chất lượng con người Việt Nam.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2021-2030) cũng nêu rõ một trong ba đột phá chiến lược là phát triển toàn diện nguồn nhân lực, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, gắn với khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, lòng tự hào dân tộc, và phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam. Đối với giáo dục và đào tạo, cần đẩy nhanh quá trình đổi mới căn bản và toàn diện, tập trung vào hiện đại hóa và thay đổi phương thức giáo dục, đặc biệt là trong giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp. Chú trọng đào tạo nhân lực chất lượng cao, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài, cũng như xây dựng chính sách thu hút và trọng dụng nhân tài từ cả trong và ngoài nước. Về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, cần đẩy mạnh các hoạt động này và thúc đẩy chuyển đổi số để tạo ra sự bứt phá về năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh.

Chiến lược phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn 2045, cũng nhấn mạnh: "Xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội thành một đại học nghiên cứu tiên tiến, vừa là mục tiêu vừa là động lực để phát triển đội ngũ cán bộ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài, và nghiên cứu khoa học công nghệ đỉnh cao, nhằm phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước."

Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách nhằm đổi mới toàn diện giáo dục đại học, tăng cường tính tự chủ cho các trường, khuyến khích đào tạo sáng tạo và khởi nghiệp, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho cách mạng công nghiệp 4.0. Trong

đó, định hướng phát triển đã đưa ra các giải pháp cụ thể, ưu tiên một số ngành khoa học tự nhiên mà Trường Đại học Khoa học Tự nhiên có lợi thế, góp phần quan trọng vào sự phát triển của quốc gia trong thời kỳ mới.

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên là một trong những cơ sở đào tạo hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực khoa học cơ bản. Trường đã có những đóng góp tích cực và tiên phong trong công cuộc đổi mới giáo dục đại học, không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, hướng đến các chuẩn mực quốc tế. Là một trường thành viên nòng cốt của Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên đã đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội trở thành một trung tâm đại học nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực và đạt chất lượng cao.

Nhiều học sinh và sinh viên của Trường đã giành được những giải thưởng cao tại các kỳ thi trí tuệ quốc tế như Olympic học sinh, sinh viên và các cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật quốc tế. Nhiều cựu sinh viên của Trường đã trở thành những chuyên gia hàng đầu tại các viện nghiên cứu và trường đại học danh tiếng trong và ngoài nước, điều này khẳng định chất lượng đào tạo và nghiên cứu của Trường có thể cạnh tranh trên cả quy mô quốc gia và quốc tế.

Hiện nay, Trường đang triển khai nhiều dự án quan trọng nhằm xây dựng một số ngành và khoa đạt chuẩn quốc tế, phát triển các chương trình đào tạo chất lượng cao. Các dự án này không chỉ giúp Trường nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên mà còn góp phần cải thiện cơ sở vật chất. Khu đô thị Đại học Quốc gia tại Hòa Lạc đang dần hình thành với số lượng cán bộ và sinh viên ngày càng tăng. Điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi để Trường phát triển các không gian làm việc hiện đại, đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao về chất lượng đào tạo và nghiên cứu ở khu vực và trên thế giới.

Bên cạnh những thuận lợi đã đạt được, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên cũng phải đối mặt với nhiều thách thức đáng kể:

- **Sức hấp dẫn của khoa học cơ bản còn hạn chế**, và mức độ đầu tư của nhà nước vào lĩnh vực này chưa thực sự tương xứng. Một số ngành thuộc khối Khoa học Trái đất gặp khó khăn trong tuyển sinh, không đạt đủ chỉ tiêu. Số lượng học viên cao học và nghiên cứu sinh cũng giảm sút khá rõ rệt trong những năm gần đây.
- **Cơ sở vật chất chưa đáp ứng đủ nhu cầu và còn thiếu sự đồng bộ**. Tiến độ xây dựng hoàn chỉnh cơ sở Đại học Quốc gia Hà Nội và Trường Đại học Khoa học Tự nhiên tại Hòa Lạc đang chậm lại do thiếu nguồn vốn đầu tư cần thiết.
- **Nguồn lực tài chính còn hạn chế trong bối cảnh tự chủ đại học**, khi ngân

sách nhà nước đang giảm dần, trong khi thu nhập từ đào tạo và dịch vụ khoa học công nghệ chỉ tăng trưởng ở mức vừa phải. Do đặc thù của ngành khoa học cơ bản và mục tiêu đảm bảo chất lượng đào tạo, Trường không thể mở rộng quy mô tuyển sinh nhanh chóng như nhiều cơ sở giáo dục đại học khác.

- **Sự cạnh tranh ngày càng gia tăng giữa các trường đại học trong nước,** đặc biệt là với các trường đại học ngoài công lập và các trường quốc tế tại Việt Nam. Mặc dù mới được thành lập, các trường này lại có ưu thế về tài chính và cơ chế linh hoạt, giúp họ dễ dàng thu hút cả cán bộ và sinh viên giỏi.

3. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

3.1. Phát triển Trường Đại học Khoa học Tự nhiên phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, và chiến lược phát triển chung của Đại học Quốc gia Hà Nội, đồng thời kế thừa và phát huy truyền thống cùng bản sắc của Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.

3.2. Xây dựng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên trở thành một trường đại học nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, lấy khoa học cơ bản làm nền tảng kết hợp với nghiên cứu ứng dụng có hàm lượng tri thức cao, nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn và thúc đẩy sự phát triển của khoa học công nghệ.

3.3. Kết hợp hài hòa giữa đào tạo khoa học cơ bản và đào tạo định hướng ứng dụng, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của đất nước, góp phần giải quyết các thách thức toàn cầu và nhu cầu thực tiễn của xã hội.

3.4. Phát triển đội ngũ cán bộ chất lượng cao, xây dựng môi trường làm việc thân thiện và hợp tác hiệu quả ở cả trong nước và quốc tế, đồng thời đảm bảo sự tăng trưởng về nguồn lực tài chính, coi đây là những nhân tố then chốt quyết định cho sự phát triển bền vững của Nhà trường.

4. SỨ MẠNG, TÂM NHÌN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI, TRIẾT LÝ GIÁO DỤC VÀ KHẨU HIỆU HÀNH ĐỘNG

4.1. Sứ mạng

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và phát hiện, bồi dưỡng nhân tài; tiên phong trong nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và chuyển giao tri thức về khoa học tự nhiên và công nghệ, góp phần tích cực vào sự phát triển, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4.2. Tầm nhìn

Trở thành trường đại học nghiên cứu và đổi mới sáng tạo hàng đầu châu Á, với các lĩnh vực chính nằm trong nhóm 500 trường hàng đầu thế giới vào năm 2035 và một số lĩnh vực đạt top 300 vào năm 2045.

4.3. Giá trị cốt lõi

Với truyền thống 70 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên đã định hình bản sắc văn hóa và triết lý phát triển của mình dựa trên các giá trị cốt lõi sau:

- *Chất lượng xuất sắc*
- *Tiên phong và sáng tạo*
- *Trách nhiệm xã hội*
- *Hợp tác và thân thiện*

4.4. Triết lý giáo dục

Đào tạo kết hợp chặt chẽ với nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, dựa trên nền tảng vững chắc của khoa học cơ bản, nhằm phát triển tri thức và ứng dụng thực tiễn.

4.5. Khẩu hiệu hành động

Sáng tạo, Tiên phong, Trách nhiệm xã hội.

5. MỤC TIÊU

5.1. Mục tiêu chung

Trở thành trường đại học nghiên cứu tiên tiến hàng đầu tại châu Á, với một số ngành và lĩnh vực đạt trình độ cao trong châu lục. Đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước thông qua đào tạo, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo.

5.2. Mục tiêu cụ thể

5.2.1. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước

- Quy mô đào tạo được điều chỉnh hợp lý, phù hợp với mô hình đại học nghiên cứu, chú trọng đến tỷ lệ đào tạo sau đại học, đảm bảo phù hợp với tiêu chí quốc tế. Đồng thời, phát triển các ngành khoa học định hướng ứng dụng, bên cạnh việc duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo trong các ngành khoa học cơ bản.

- Chất lượng các chương trình đào tạo cử nhân khoa học tài năng và chương trình chất lượng cao luôn được ưu tiên hàng đầu. Tiên phong mở mới các chương trình đào tạo thí điểm liên ngành và có tính ứng dụng cao tại Việt Nam. Kết hợp

chặt chẽ giữa đào tạo và nghiên cứu, giúp sinh viên tiếp cận với những tiến bộ khoa học và công nghệ mới nhất.

- Các chương trình đào tạo được kiểm định theo các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế, đảm bảo tính hội nhập và được công nhận bởi các trường đại học uy tín trên thế giới. Sinh viên tốt nghiệp có đủ kiến thức, kỹ năng để làm việc, nghiên cứu hoặc tiếp tục học tập tại bất kỳ đâu trong môi trường toàn cầu hóa.

- Phát hiện, bồi dưỡng và phát triển tài năng trẻ từ bậc trung học phổ thông, tạo nguồn cho các chương trình đào tạo cử nhân khoa học tài năng và chất lượng cao tại các trường đại học.

- Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước, xây dựng các chương trình học bổng, thực tập và nghiên cứu thực tế, giúp sinh viên có cơ hội phát triển toàn diện về cả kiến thức và kỹ năng thực tiễn, đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường lao động quốc tế.

5.2.2. Nghiên cứu khoa học đỉnh cao, phát triển công nghệ và chuyển giao tri thức phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước

- Đẩy mạnh các nghiên cứu tiên tiến trong các ngành khoa học cơ bản, khoa học định hướng ứng dụng và một số công nghệ mũi nhọn, đưa các ngành này đạt trình độ khu vực và thế giới.

- Kết hợp chặt chẽ khoa học tự nhiên và khoa học liên ngành với các định hướng ứng dụng, khuyến khích hoạt động đổi mới sáng tạo, tạo ra các sáng chế, giải pháp hữu ích, và sản phẩm công nghệ có khả năng chuyển giao thực tiễn. Những sáng tạo này sẽ góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

- Phát triển các nhóm nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu liên ngành và công nghệ cao, tăng cường hợp tác với doanh nghiệp, viện nghiên cứu trong và ngoài nước để tạo ra các sản phẩm khoa học công nghệ có giá trị thực tiễn.

- Khuyến khích chuyển giao tri thức và công nghệ vào các lĩnh vực trọng điểm của quốc gia như năng lượng tái tạo, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, và môi trường nhằm góp phần vào phát triển bền vững, tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường.

- Tăng cường vai trò của Trường trong việc tư vấn, tham gia xây dựng chính sách khoa học và công nghệ quốc gia, giúp định hình các chiến lược phát triển của đất nước trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

5.2.3. Nâng cao vị thế và uy tín quốc tế của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên

- Mô hình tổ chức, cơ cấu và tiêu chí phát triển của Trường Đại học Khoa học

Tự nhiên được định hình theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và phù hợp với các tiêu chuẩn xếp hạng đại học toàn cầu. Mục tiêu đến năm 2035, các lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu chủ chốt của Trường sẽ nằm trong top 500 trường đại học hàng đầu thế giới.

- Phát triển một số chương trình đào tạo và lĩnh vực nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế, đảm bảo sự công nhận và trao đổi văn bằng, học phần, tín chỉ với các trường đại học danh tiếng toàn cầu. Đẩy mạnh các chương trình trao đổi sinh viên, giảng viên và nghiên cứu với các trường đại học quốc tế nhằm tạo môi trường học tập đa dạng và kết nối rộng rãi.

- Tiếp nhận và triển khai các chương trình đào tạo tiên tiến từ các nước phát triển dưới dạng chương trình liên kết, đảm bảo chất lượng giảng dạy và phương pháp đào tạo hiện đại. Những chương trình này sẽ góp phần nâng cao vị thế của Trường, đồng thời cung cấp cho sinh viên cơ hội học tập, nghiên cứu theo chuẩn quốc tế ngay tại Việt Nam.

- Tăng cường tham gia vào các dự án nghiên cứu quốc tế, các hội thảo học thuật lớn, tạo mạng lưới hợp tác nghiên cứu với các cơ sở giáo dục và viện nghiên cứu uy tín trên thế giới. Điều này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng nghiên cứu mà còn tăng cường uy tín quốc tế của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, đưa tên tuổi của Trường lên bản đồ học thuật toàn cầu.

- Tích cực quảng bá thương hiệu của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên ra thế giới thông qua các hội nghị, ấn phẩm khoa học, và các hoạt động hợp tác quốc tế như trao đổi giảng viên, sinh viên,..., đảm bảo rằng Trường không chỉ là trung tâm đào tạo, nghiên cứu hàng đầu trong nước mà còn có tiếng vang quốc tế trong cộng đồng khoa học toàn cầu.

Các chỉ tiêu cơ bản của Chiến lược phát triển được tổng hợp ở Phụ lục.

6. NHIỆM VỤ

6.1. Đào tạo

6.1.1. Đặc biệt chú trọng vào chất lượng của các chương trình đào tạo cử nhân khoa học tài năng, đồng thời mở rộng quy mô các chương trình đào tạo theo định mức kinh tế kỹ thuật. Xây dựng, quy hoạch và phát triển một số ngành và chuyên ngành liên ngành, có tính ứng dụng cao, đáp ứng nhu cầu xã hội. Khai thác tối đa thế mạnh và bản sắc riêng biệt của Nhà trường để tạo lợi thế cạnh tranh.

6.1.2. Nâng cao chất lượng đào tạo bằng cách thường xuyên cập nhật, đổi mới chương trình giảng dạy, nội dung học tập và phương pháp giảng dạy. Tăng cường các phương thức kiểm tra, đánh giá dựa trên phản hồi của các bên liên quan và các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng, nhằm đảm bảo đào tạo đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước.

6.1.3. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế thông qua việc xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo liên kết với các trường đại học quốc tế ở tất cả các bậc học, tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận với môi trường học tập và nghiên cứu quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh toàn cầu.

6.1.4. Tiếp tục phát triển và nâng cao vị thế của Trường THPT Chuyên Khoa học Tự nhiên như một "vườn ươm" nhân tài cho đất nước. Tăng cường liên kết giữa Trường THPT Chuyên Khoa học Tự nhiên với các đơn vị đào tạo khác trong Trường, khai thác hiệu quả tiềm năng hợp tác, nhằm phát triển nguồn lực nhân tài từ bậc phổ thông đến đại học.

6.2. Khoa học và công nghệ

6.2.1. Gia tăng số lượng và thứ hạng các lĩnh vực cốt lõi của Nhà trường trong các bảng xếp hạng quốc tế, đặc biệt ưu tiên các bảng xếp hạng uy tín như QS và THE.

6.2.2. Tăng cường hoạt động đổi mới sáng tạo, với mục tiêu đến năm 2030, nguồn thu từ hoạt động này sẽ chiếm 5% tổng thu nhập từ các hoạt động khoa học và công nghệ, và đạt 10% vào năm 2035.

6.2.3. Gia tăng nguồn lực tài chính cho các hoạt động khoa học và công nghệ, với kế hoạch tăng kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học thêm 50% vào năm 2030 so với năm 2024, và tăng gấp đôi vào năm 2035. Trung bình mỗi năm, trường sẽ đầu tư vào 02 dự án nâng cấp trang thiết bị, cơ sở vật chất và phòng thí nghiệm nhằm tạo điều kiện cho việc nghiên cứu và sáng tạo.

6.2.4. Hoàn thiện mô hình tổ chức và quản lý hoạt động khoa học và công nghệ theo hướng hiệu quả, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, đồng thời đáp ứng điều kiện và môi trường nghiên cứu đặc thù tại Việt Nam.

6.2.5. Nâng cao vai trò của hoạt động khoa học và công nghệ trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và bồi dưỡng nhân tài. Gắn kết chặt chẽ hơn giữa nghiên cứu khoa học và công tác đào tạo, giúp sinh viên và học viên tiếp cận và tham gia vào các dự án nghiên cứu tiên tiến ngay từ giai đoạn học tập.

6.3. Hợp tác và phát triển

6.3.1. Đẩy mạnh phát triển môi trường học thuật sáng tạo, quốc tế hóa các chương trình đào tạo, và tăng cường liên kết đào tạo quốc tế. Tập trung vào việc

phát triển chương trình đào tạo cử nhân khoa học tài năng, cung cấp nhân lực chất lượng cao không chỉ cho Việt Nam mà còn cho khu vực và thế giới.

6.3.2. Nâng cao mức độ quốc tế hóa trong các hoạt động khoa học và công nghệ, phát triển mạnh mẽ các nhóm nghiên cứu xuất sắc và các phòng thí nghiệm trọng điểm. Hợp tác hiệu quả với các trường đại học, viện nghiên cứu, và tập đoàn kinh tế - công nghệ hàng đầu trong nước cũng như quốc tế nhằm đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng.

6.3.3. Thu hút các chuyên gia và học giả có uy tín từ trong nước và quốc tế tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học dài hạn tại trường. Đồng thời, thúc đẩy các hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế dành cho giảng viên và nghiên cứu viên nhằm tăng cường giao lưu học thuật và chia sẻ kiến thức tiên tiến.

6.3.4. Khuyến khích các hoạt động trao đổi, học tập và thực tập của sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu và doanh nghiệp hàng đầu trong và ngoài nước. Đặc biệt, tăng cường thu hút sinh viên quốc tế đến học tập và nghiên cứu tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên thông qua các chương trình đào tạo ngắn và dài hạn.

6.3.5. Đa dạng hóa mạng lưới đối tác chiến lược trong nước, bao gồm các bộ, ngành, địa phương, trường đại học, viện nghiên cứu và các doanh nghiệp lớn. Điều này sẽ giúp củng cố vị thế và uy tín của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên. Đồng thời, xây dựng và phát triển mạng lưới cựu học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh trong và ngoài nước để tăng cường kết nối và hỗ trợ phát triển nhà trường.

7. GIẢI PHÁP

7.1. Chuyển đổi số và đổi mới trong quản trị đại học

7.1.1. Xây dựng kế hoạch và thực hiện chuyển đổi số theo mô hình đại học thông minh: Xây dựng kế hoạch chuyển đổi số tổng thể, bao gồm các mục tiêu cụ thể, lộ trình thực hiện và đo lường hiệu quả; Hoàn thiện và nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, tận dụng tối đa nguồn lực công nghệ hiện có trong ĐHQGHN và các nguồn lực riêng của Nhà trường; Phát triển các hệ thống quản lý giáo dục thông minh, hệ thống quản lý học tập (LMS) và các nền tảng số hỗ trợ giảng dạy, nghiên cứu và quản lý.

7.1.2. Rà soát, sắp xếp hướng đến mô hình tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả: Xây dựng mô hình tổ chức bộ máy Nhà trường theo hướng tinh gọn, phù hợp với đặc thù của giáo dục đại học số; Tích hợp các công cụ quản lý trực tuyến để giảm thiểu thủ tục hành chính, tăng cường sự tương tác giữa các bộ phận; Xác

định rõ vai trò và trách nhiệm của từng đơn vị trong quá trình chuyển đổi số.

7.1.3. Hoàn thiện đề án vị trí việc làm và xây dựng bộ chỉ số đánh giá hiệu quả công việc: Xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá năng lực làm việc của viên chức và người lao động dựa trên kết quả công việc và năng lực sử dụng công nghệ số; Thiết lập cơ chế phân bổ kinh phí cho các đơn vị và trả lương theo vị trí việc làm của cán bộ, gắn liền với hiệu quả công việc; Áp dụng hệ thống đánh giá minh bạch, chính xác, và tạo động lực phát triển chuyên môn cho cán bộ và nhân viên.

7.1.4. Chuẩn hóa hệ thống văn bản quản lý và quy trình làm việc: Rà soát và chuẩn hóa các văn bản quản lý, quy trình làm việc trong các lĩnh vực hành chính, đào tạo, nghiên cứu và hợp tác quốc tế; Đảm bảo các quy trình làm việc phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, chuyên nghiệp, minh bạch, và thuận lợi cho việc ứng dụng công nghệ số; Tạo môi trường thuận lợi để các hoạt động quản lý có thể chuyển sang nền tảng số một cách đồng bộ và liền mạch.

7.1.5. Tăng cường năng lực sử dụng công nghệ mới cho đội ngũ cán bộ và người học: Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI), và dữ liệu lớn (Big Data) cho đội ngũ cán bộ quản lý và các nhà khoa học; Khuyến khích cán bộ và sinh viên tham gia vào các dự án phát triển sản phẩm số phục vụ cho hoạt động giảng dạy, nghiên cứu, và quản lý; Thúc đẩy việc sử dụng công nghệ mới trong mọi khía cạnh của quản trị đại học, từ quản lý hành chính đến đào tạo và nghiên cứu, tạo ra môi trường học tập và làm việc hiện đại, tiên tiến.

7.2. Phát triển đội ngũ cán bộ khoa học trình độ cao

7.2.1. Xây dựng cơ cấu đội ngũ cán bộ khoa học hợp lý: Đánh giá và rà soát hiện trạng đội ngũ cán bộ khoa học nhằm xây dựng cơ cấu hợp lý, đảm bảo sự phát triển bền vững cho các lĩnh vực trọng điểm theo chiến lược của Trường, Đại học Quốc gia Hà Nội và Nhà nước; Ưu tiên phát triển đội ngũ cán bộ khoa học trình độ cao trong các lĩnh vực như công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, và các ngành nghiên cứu mũi nhọn khác; Thiết lập cơ cấu đội ngũ cán bộ khoa học có tính đa dạng, bao gồm các chuyên gia đầu ngành, các nhà khoa học trẻ tiềm năng và các cán bộ khoa học có kinh nghiệm thực tiễn.

7.2.2. Phát triển chính sách phát hiện, thu hút và tôn vinh các nhà khoa học xuất sắc: Phát triển các chính sách tìm kiếm và phát hiện sớm các nhà khoa học trẻ có tiềm năng, cũng như những người có thành tích nổi bật trong nghiên cứu và giảng dạy; Đưa ra các chính sách đãi ngộ hấp dẫn nhằm thu hút các nhà khoa học có trình độ cao, bao gồm cả các chuyên gia nước ngoài và kiều bào, tham gia vào các chương trình đào tạo và nghiên cứu của Trường; Tôn vinh và khen thưởng kịp thời các đóng góp xuất sắc của đội ngũ nhà khoa học nhằm khuyến khích tinh thần

nghiên cứu và sáng tạo.

7.2.3. Đào tạo, bồi dưỡng và đánh giá đội ngũ cán bộ khoa học theo mô hình quản trị nhân lực tiên tiến: Áp dụng phương thức tiếp cận quản trị nhân lực hiện đại, lấy chất lượng và hiệu quả làm tiêu chí chính trong việc đào tạo, bồi dưỡng, và đánh giá cán bộ khoa học; Xây dựng các chương trình đào tạo và phát triển chuyên môn liên tục, giúp nâng cao năng lực nghiên cứu, giảng dạy và quản lý cho đội ngũ cán bộ; Áp dụng quy trình đánh giá khách quan, minh bạch và công bằng, dựa trên thành tích và đóng góp thực tiễn của từng cán bộ khoa học.

7.2.4. Phát triển môi trường làm việc thân thiện và sáng tạo: Xây dựng môi trường làm việc dựa trên tinh thần dân chủ, công bằng, và đồng thuận, giúp các nhà khoa học có điều kiện phát triển tối đa năng lực chuyên môn và nghiên cứu; Ứng dụng công nghệ số trong quản lý và tương tác, tạo điều kiện thuận lợi cho sự hợp tác và liên kết giữa các nhà khoa học, các đơn vị nghiên cứu trong và ngoài trường; Khuyến khích sự sáng tạo, thúc đẩy tính tự do học thuật và phát triển văn hóa chất lượng trong giảng dạy và nghiên cứu. Phát triển văn hóa công sở với các giá trị cốt lõi về đạo đức nghề nghiệp, tính sáng tạo và tinh thần hợp tác.

7.3. Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo

7.3.1. Nâng cao quy mô và chất lượng tuyển sinh:

Tuyển sinh bậc đại học: Tập trung vào việc thu hút học sinh có năng lực từ các trường trung học phổ thông chuyên, đặc biệt là các học sinh có thành tích xuất sắc trong các kỳ thi quốc gia và quốc tế.

Tuyển sinh sau đại học: Chú trọng vào nguồn tuyển sinh từ sinh viên tốt nghiệp của Trường, đồng thời mở rộng tuyển sinh từ các trường đại học hàng đầu khác. Xây dựng các chính sách hỗ trợ và khuyến khích sinh viên tiếp tục theo học sau đại học.

Tăng cường các biện pháp đồng bộ trong quy trình tuyển sinh, từ tư vấn hướng nghiệp đến lựa chọn các hình thức xét tuyển phù hợp.

7.3.2. Điều chỉnh chương trình đào tạo theo nhu cầu thị trường và xã hội: Cập nhật chương trình đào tạo sao cho đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh khoa học công nghệ phát triển nhanh và xu hướng chuyển đổi số mạnh mẽ; Tích hợp các nội dung mới như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuyển đổi số và kỹ năng công nghệ trong các chương trình đào tạo hiện có; Đổi mới phương pháp giảng dạy, chuyển từ phương pháp dạy truyền thống sang phương pháp dạy học tích cực, kích thích tư duy phản biện, sáng tạo của người học; Đổi mới các phương pháp kiểm tra, đánh giá theo hướng đánh giá năng lực toàn diện, từ kiến thức chuyên môn đến các kỹ năng mềm.

7.3.3. Giáo dục toàn diện người học: Kết hợp giữa việc trang bị kiến thức chuyên môn với phát triển tư duy sáng tạo, đạo đức nghề nghiệp, và kỹ năng làm việc nhóm; Đào tạo sinh viên không chỉ về chuyên môn mà còn chú trọng phát triển các kỹ năng quan trọng như lãnh đạo, tư duy phản biện, kỹ năng mềm (giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, quản lý thời gian); Khuyến khích sinh viên rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu và làm việc độc lập để có thể chủ động trong công việc và sự nghiệp tương lai.

7.3.4. Đầu tư trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu: Đầu tư xây dựng các phòng thí nghiệm hiện đại, đạt chuẩn quốc tế, phục vụ cho việc thực hành và nghiên cứu của sinh viên và giảng viên; Mua sắm và cập nhật các thiết bị, dụng cụ thí nghiệm tiên tiến phù hợp với xu hướng phát triển của khoa học công nghệ, đảm bảo sinh viên có thể học tập và nghiên cứu trong điều kiện tốt nhất; Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp và đối tác quốc tế để có thêm nguồn tài trợ và cơ hội sử dụng trang thiết bị tiên tiến trong nghiên cứu.

7.3.5. Nâng cao hiệu quả của hệ thống đảm bảo chất lượng: Tăng cường hoạt động của hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ, đảm bảo rằng các chương trình đào tạo được kiểm định và cải tiến liên tục để đáp ứng yêu cầu của các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế; Thường xuyên thực hiện việc đánh giá và kiểm định các chương trình đào tạo cũng như cơ sở giáo dục, đảm bảo sự phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế nhằm nâng cao chất lượng đào tạo; Thực hiện kiểm định độc lập để đảm bảo tính khách quan và hiệu quả trong việc đảm bảo chất lượng.

7.3.6. Cải tiến chất lượng thường xuyên và liên tục: Áp dụng các biện pháp cải tiến chất lượng liên tục, lắng nghe phản hồi từ các bên liên quan (sinh viên, giảng viên, doanh nghiệp) nhằm nâng cao sự hài lòng về chất lượng đào tạo; Thực hiện khảo sát và đánh giá thường xuyên về sự hài lòng của sinh viên, giảng viên và doanh nghiệp về chất lượng giảng dạy và chương trình đào tạo, từ đó điều chỉnh kịp thời để đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Tăng cường hỗ trợ sinh viên trong việc tìm kiếm việc làm, phát triển kỹ năng nghề nghiệp, và gia tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên ngành, phù hợp với yêu cầu thị trường.

7.4. Nâng cao quy mô và chất lượng nghiên cứu khoa học

7.4.1. Đổi mới mô hình tổ chức các nhóm nghiên cứu mạnh và phòng thí nghiệm trọng điểm: Tăng cường tính linh hoạt trong việc tổ chức các nhóm nghiên cứu mạnh và phòng thí nghiệm trọng điểm, giúp thu hút các nhà khoa học giỏi từ trong và ngoài nước tham gia vào các dự án nghiên cứu; Tập trung phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh với mục tiêu gia tăng số lượng và chất lượng các công bố khoa học trên các tạp chí uy tín quốc tế; Đề cao vai trò của các nhóm nghiên cứu mạnh và phòng thí nghiệm trọng điểm trong việc dẫn dắt các nghiên cứu chiến lược,

có tầm ảnh hưởng.

7.4.2. Tăng cường và đa dạng hóa hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ: Mở rộng và phát triển các mối quan hệ hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ, giúp kết nối với các tổ chức, trường đại học và viện nghiên cứu hàng đầu thế giới; Phát huy vai trò của các nhà khoa học trong việc xây dựng các quan hệ hợp tác thực chất, thúc đẩy việc trao đổi học thuật và nghiên cứu, từ đó nâng cao vị thế của Trường trong môi trường học thuật quốc tế.

7.4.3. Phát triển các hướng nghiên cứu liên ngành: Nắm bắt xu thế phát triển của khoa học và công nghệ và tận dụng cơ hội từ các chính sách vĩ mô để phát triển các lĩnh vực liên ngành mà Trường có thế mạnh như trí tuệ nhân tạo, công nghệ bán dẫn, khoa học và công nghệ vật liệu, công nghệ sinh học, hóa - sinh dược học, phát triển xanh, tuần hoàn, quản lý tài nguyên và phòng chống thiên tai; Đầu tư nghiên cứu các vấn đề mang tính chất liên ngành để tiếp cận nhanh với những tiến bộ khoa học toàn cầu.

7.4.4. Gia tăng sự tiếp cận với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và địa phương: Tăng tần suất tiếp cận và hợp tác với doanh nghiệp và địa phương để hiểu rõ nhu cầu về công nghệ và khoa học mới; Mở rộng quan hệ với các doanh nghiệp lớn, đặc biệt là các doanh nghiệp có bộ phận nghiên cứu và phát triển (R&D) mạnh để thực hiện các dự án nghiên cứu chung, hoặc nghiên cứu theo đặt hàng từ doanh nghiệp.

7.4.5. Thí điểm thành lập doanh nghiệp spin-off và khai thác tài sản trí tuệ: Triển khai thí điểm thành lập các doanh nghiệp spin-off dựa trên các kết quả nghiên cứu của Nhà trường, từ đó khai thác tài sản trí tuệ một cách hiệu quả;

Chia sẻ kinh nghiệm và giới thiệu các mô hình đổi mới sáng tạo thành công, tôn vinh các nhà khoa học có nghiên cứu được ứng dụng thực tiễn.

7.4.6. Thành lập Quỹ hoạt động khoa học và công nghệ và nâng cấp cơ sở vật chất: Thành lập Quỹ hoạt động khoa học và công nghệ để tạo nguồn tài chính hỗ trợ các dự án nghiên cứu và phát triển khoa học; Chủ động tìm kiếm các nguồn đầu tư, tài trợ từ doanh nghiệp và tổ chức quốc tế để bổ sung trang thiết bị và nâng cấp hệ thống phòng thí nghiệm, đảm bảo hiệu quả trong việc sử dụng tài nguyên; Tránh đầu tư dàn trải, tập trung vào những lĩnh vực trọng điểm và chiến lược.

7.4.7. Tăng cường các hoạt động đảm bảo an toàn và liên chính học thuật: Thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn trong nghiên cứu, đồng thời chú trọng đến vấn đề liên chính học thuật và đạo đức nghiên cứu theo chuẩn mực quốc tế; Hoàn thiện chính sách khen thưởng và hỗ trợ các nhà khoa học có năng lực nghiên cứu tốt, giúp họ phát triển và cống hiến nhiều hơn;

7.4.8. Đẩy mạnh sự tham gia của người học vào các hoạt động nghiên cứu:

Khuyến khích sinh viên, đặc biệt là sinh viên hệ tài năng, chất lượng cao và học viên sau đại học, tham gia vào các đề tài nghiên cứu và dự án khoa học; Xây dựng các cơ chế động viên và khuyến khích sinh viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo, giúp họ tích lũy kinh nghiệm thực tế và phát triển tư duy nghiên cứu.

7.4.9. Xây dựng tạp chí khoa học liên ngành uy tín

Phát triển một tạp chí khoa học của Nhà trường theo hướng tạp chí liên ngành có uy tín trong nước, với mục tiêu đưa vào danh mục SCOPUS trước năm 2035; Tạp chí này sẽ là nơi để các nhà khoa học trong và ngoài trường công bố các công trình nghiên cứu chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và ứng dụng, đồng thời nâng cao vị thế học thuật của Nhà trường trong cộng đồng khoa học quốc tế.

7.5. Hiện đại hóa cơ sở vật chất

7.5.1. Chủ động tìm nguồn kinh phí nâng cấp cơ sở vật chất: Tích cực tìm kiếm và huy động các nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước, doanh nghiệp, và các tổ chức quốc tế để đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất tại các cơ sở hiện có: 334 Nguyễn Trãi, 19 Lê Thánh Tông và 182 Lương Thế Vinh; Nâng cấp hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thư viện và các tiện nghi khác để đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, tạo môi trường học tập và nghiên cứu thuận lợi cho giảng viên và sinh viên.

7.5.2. Chủ động và tích cực tham gia dự án xây dựng cơ sở tại Hòa Lạc: Phối hợp chặt chẽ với các Ban chức năng của Đại học Quốc gia Hà Nội trong việc thiết kế, xây dựng và lắp đặt nội thất trong khuôn khổ Dự án QG-HN-07 tại Hòa Lạc, đảm bảo rằng các công trình được triển khai đồng bộ, đúng tiến độ và đạt chất lượng cao; Xây dựng kế hoạch khai thác và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất mới tại Hòa Lạc, đồng thời đảm bảo cơ sở này phục vụ tốt cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khi được đưa vào sử dụng.

7.5.3. Nâng cấp cơ sở vật chất theo hướng hiệu quả và tiết kiệm: Phối hợp với Đại học Quốc gia Hà Nội để xây dựng, đề xuất và triển khai các dự án nâng cấp cơ sở vật chất nhằm tối ưu hóa chi phí đầu tư nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả cao, đặc biệt là trong việc phục vụ các hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo; Ưu tiên các dự án hướng tới việc tiếp cận khoa học và công nghệ hiện đại, phát triển các nhóm nghiên cứu liên ngành, liên lĩnh vực, phòng thí nghiệm trọng điểm và các đơn vị nghiên cứu xuất sắc. Đảm bảo cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu của một đại học nghiên cứu tiên tiến, hỗ trợ tốt cho các hoạt động nghiên cứu chất lượng cao và đào tạo đội ngũ khoa học trình độ cao.

7.6. Gia tăng các nguồn lực tài chính và tự chủ đại học

7.6.1. Kiến nghị Nhà nước và các cấp có thẩm quyền tăng đầu tư cho con người và cơ sở vật chất trong lĩnh vực khoa học cơ bản và công nghệ: Tiếp tục kiến nghị với Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, và Đại học Quốc gia Hà Nội để tăng cường đầu tư cho đào tạo nhân lực, đặc biệt trong việc hiện thực hóa các chính sách thu hút và đãi ngộ nhân tài; Tăng cường đầu tư vào cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu, đặc biệt là cho các lĩnh vực khoa học cơ bản, giúp nâng cao chất lượng giáo dục và nghiên cứu trong dài hạn.

7.6.2. Tăng nguồn thu từ hoạt động đào tạo một cách hiệu quả và bền vững: Thiết lập các định mức kinh tế - kỹ thuật cho từng chương trình đào tạo, bao gồm các chương trình liên kết quốc tế, nhằm tối ưu hóa nguồn thu từ hoạt động giáo dục; Đảm bảo rằng các chương trình này đáp ứng yêu cầu về chất lượng đào tạo và cung cấp các dịch vụ giáo dục phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, từ đó tăng cường sức hấp dẫn và tính cạnh tranh của các chương trình đào tạo.

7.6.3. Thúc đẩy hợp tác và thương mại hóa sản phẩm khoa học công nghệ: Tích cực đăng ký chủ trì hoặc tham gia các chương trình hợp tác, dự án và đề tài khoa học và công nghệ với các đối tác trong và ngoài nước, mở rộng phạm vi nghiên cứu và ứng dụng khoa học; Tận dụng các thành tựu khoa học và công nghệ của Nhà trường để thương mại hóa sản phẩm, tạo nguồn thu bổ sung từ hoạt động khoa học, đồng thời giúp quảng bá thương hiệu và năng lực nghiên cứu của Trường ra thế giới.

7.6.4. Phát triển các đơn vị kinh doanh và dịch vụ: Phát triển các đơn vị như công ty, trung tâm dịch vụ trong các lĩnh vực liên quan để tạo ra nguồn thu sự nghiệp, giúp Nhà trường tự chủ tài chính; Các dịch vụ có thể bao gồm đào tạo ngắn hạn, dịch vụ tư vấn, chuyển giao công nghệ, và các hoạt động dịch vụ khác liên quan đến các lĩnh vực chuyên môn của Trường.

7.6.5. Vận động tài trợ từ các nhà tài trợ và cựu sinh viên: Tăng cường vận động tài trợ từ các nguồn bên ngoài, bao gồm các cựu sinh viên, doanh nghiệp, và các tổ chức xã hội có liên kết với Trường; Khuyến khích sự tham gia của cựu sinh viên trong việc hỗ trợ tài chính và phát triển các chương trình đào tạo, nghiên cứu, nhằm thúc đẩy mối quan hệ hợp tác bền vững giữa Nhà trường và các bên liên quan.

7.7. Nâng cao hiệu quả các hoạt động hợp tác phát triển

7.7.1. Xác lập hệ thống đối tác chiến lược: Nhà trường sẽ thiết lập mạng lưới đối tác chiến lược trong và ngoài nước dựa trên các lĩnh vực mà trường có thế mạnh. Việc hợp tác sẽ được triển khai linh hoạt theo các hình thức phù hợp với từng đối tác, bao gồm trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp và các tổ chức quốc tế; Ưu tiên phát triển các đối tác có uy tín cao trong lĩnh vực giáo dục, khoa học và công nghệ,

nhằm tạo ra những cơ hội phát triển lâu dài cho cả đôi bên.

7.7.2. Thu hút sinh viên quốc tế: Đặt mục tiêu tăng tỷ lệ sinh viên quốc tế thông qua việc xây dựng chính sách và triển khai các hoạt động thu hút sinh viên nước ngoài đến học tập tại trường, cả trong các chương trình ngắn hạn và dài hạn; Kiến tạo môi trường học tập hiện đại, sáng tạo, quốc tế hóa để đáp ứng nhu cầu của sinh viên quốc tế và giúp nâng cao vị thế của Trường trong các bảng xếp hạng đại học toàn cầu.

7.7.3. Hợp tác ba bên với trường đại học và doanh nghiệp nước ngoài: Phát triển các mô hình hợp tác đào tạo và nghiên cứu ba bên giữa Nhà trường, các trường đại học và doanh nghiệp nước ngoài. Điều này giúp tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội học tập và thực tập tại nước ngoài, đồng thời nâng cao khả năng tiếp cận với thị trường lao động quốc tế; Việc này sẽ khẳng định chất lượng đào tạo của Trường và nâng cao uy tín quốc tế, mở rộng cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên trong và ngoài nước.

7.7.4. Xây dựng mạng lưới cựu sinh viên: Tăng cường kết nối với các cựu học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh của Trường đang làm việc trong và ngoài nước, xây dựng mạng lưới hợp tác và chia sẻ kinh nghiệm; Mạng lưới này không chỉ tạo ra cơ hội hợp tác trong giảng dạy, nghiên cứu mà còn giúp khai thác nguồn tài trợ và các cơ hội phát triển cho Nhà trường.

7.7.5. Hợp tác giữa Trường, Doanh nghiệp và Địa phương: Nhà trường sẽ phát triển mô hình hợp tác ba bên giữa Trường - Doanh nghiệp - Địa phương, thu hút sự tham gia của các chuyên gia khoa học, nhà quản lý và doanh nhân vào các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu; Mô hình này giúp kết nối lý thuyết và thực hành, tạo cơ hội thực tiễn cho sinh viên và gia tăng sự gắn kết giữa Nhà trường và cộng đồng.

7.7.6. Tăng cường hợp tác đào tạo và nghiên cứu: Kết nối chặt chẽ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao tri thức với các đối tác trong và ngoài nước. Đặc biệt chú trọng đến việc hợp tác với các tập đoàn kinh tế lớn, địa phương và các viện nghiên cứu có uy tín; Phát triển các chương trình đào tạo dài hạn và ngắn hạn dựa trên sự hợp tác với các đơn vị giáo dục và các tổ chức trong nước và quốc tế, giúp mở rộng khả năng cung cấp dịch vụ giáo dục đa dạng và phù hợp với nhu cầu xã hội.

7.8. Đẩy mạnh các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng

7.8.1. Tư vấn cho các địa phương về phát triển bền vững: Tăng cường vai trò của Nhà trường trong việc cung cấp tư vấn cho các địa phương về các vấn đề quan trọng như phát triển xanh, kinh tế tuần hoàn, quy hoạch vùng lãnh thổ, bảo vệ môi trường, khai thác tài nguyên hiệu quả và phòng chống tai biến thiên nhiên; Sự tư vấn này sẽ giúp các địa phương phát triển theo hướng bền vững, đồng thời tận dụng kiến thức khoa học tiên tiến của Nhà trường vào các vấn đề thực tiễn.

7.8.2. Ưu tiên triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ cộng đồng: Nhà trường sẽ ưu tiên nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ,

cũng như các hoạt động tư vấn để giải quyết các vấn đề cấp bách của cộng đồng và xã hội; Đẩy mạnh hợp tác quốc tế nhằm khai thác thêm các nguồn lực và ứng dụng vào việc phục vụ cộng đồng, mang lại lợi ích xã hội lâu dài.

7.8.3. Góp phần nâng cao năng lực giáo dục phổ thông: Chủ động tham gia vào các hoạt động đào tạo, nâng cao chuyên môn và cập nhật kiến thức mới cho giáo viên trung học phổ thông. Đồng thời, Trường sẽ phát hiện và bồi dưỡng tài năng trẻ, tư vấn cho hệ thống giáo dục phổ thông về chương trình, nội dung và phương pháp giảng dạy hiện đại.

7.8.4. Lan tỏa tri thức cho cộng đồng: Triển khai các hoạt động nhằm chia sẻ và lan tỏa tri thức rộng rãi cho cộng đồng thông qua các hình thức đa dạng, phù hợp với nhiều đối tượng khác nhau. Các hoạt động này có thể bao gồm hội thảo, các khóa học mở, tư vấn và các chương trình truyền thông khoa học; Việc lan tỏa tri thức sẽ góp phần nâng cao nhận thức và khả năng tiếp cận tri thức khoa học của cộng đồng, giúp họ áp dụng hiệu quả hơn vào cuộc sống và công việc.

7.8.5. Tăng cường hoạt động tình nguyện và thiện nguyện: Nhà trường sẽ mở rộng quy mô và nâng cao tần suất các hoạt động tình nguyện và thiện nguyện, nhằm giúp đỡ các cộng đồng cần sự trợ giúp trong xã hội; Các hoạt động này không chỉ góp phần cải thiện cuộc sống của các nhóm đối tượng khó khăn mà còn giúp sinh viên và cán bộ Nhà trường phát huy tinh thần trách nhiệm xã hội và ý thức cộng đồng.

8. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

8.1. Trường Đại học Khoa học Tự nhiên

- Báo cáo và đề nghị Đại học Quốc gia Hà Nội tạo điều kiện để Trường thực hiện thành công Chiến lược phát triển Trường Đại học Khoa học Tự nhiên đến năm 2035, tầm nhìn 2045.

- Chỉ đạo tổ chức xây dựng Kế hoạch chiến lược để xác định các chỉ tiêu phù hợp với lộ trình Chiến lược.

- Chỉ đạo và kiểm tra, giám sát các đơn vị xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược của đơn vị phù hợp với định hướng và các nội dung của Chiến lược phát triển Trường.

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát các đơn vị thực hiện Chiến lược theo lộ trình quy định. Đánh giá, điều chỉnh và bổ sung các chỉ tiêu kế hoạch phù hợp với bối cảnh và yêu cầu phát triển của Trường.

8.2. Các đơn vị trong Trường

- Phổ biến sâu rộng các nội dung của Chiến lược đến tất cả các bộ phận trong đơn vị và toàn thể viên chức, người lao động, học sinh, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh

để tăng cường sự đồng thuận trong từng tập thể và toàn Trường, nêu cao quyết tâm thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển vì lợi ích chung của Trường.

- Xây dựng Chiến lược phát triển và các kế hoạch tương ứng của đơn vị phù hợp với Chiến lược phát triển và các kế hoạch của Trường, trình Hiệu trưởng phê duyệt. Chiến lược phát triển của mỗi đơn vị phải là một phần cấu thành hữu cơ trong Chiến lược phát triển chung của Trường.

- Chủ động huy động các nguồn lực để thực hiện kế hoạch nhằm đạt được các chỉ tiêu đề ra.

- Định kỳ báo cáo Trường việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch và kiến nghị điều chỉnh, các chỉ tiêu kế hoạch cho phù hợp với thực tiễn của đơn vị./.

Phụ lục
CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐẾN NĂM 2035, TẦM NHÌN 2045
(Kèm theo Nghị quyết số 3366/NQ-ĐHKHTN-HĐT ngày 02 tháng 10 năm 2024
của Hội đồng trường Trường Đại học Khoa học Tự nhiên)

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu	
		2035	2045
	1. Đào tạo		
1.1.	Chỉ tiêu tuyển sinh (người)	4.200	5.600
	- Chính quy	3.600	5.000
	<i>Trong đó, Cử nhân</i>	<i>3.000</i>	<i>4.000</i>
	<i>Thạc sĩ</i>	<i>500</i>	<i>800</i>
	<i>Tiến sĩ</i>	<i>100</i>	<i>200</i>
	- THPT Chuyên	600	600
1.2	Quy mô đào tạo (người)	15.100	20.000
	- Chính quy	13.300	18.200
	<i>Trong đó, Cử nhân</i>	<i>12.000</i>	<i>16.000</i>
	<i>Thạc sĩ</i>	<i>1.000</i>	<i>1.600</i>
	<i>Tiến sĩ</i>	<i>300</i>	<i>600</i>
	- THPT	1.800	1.800
1.3.	Đào tạo chất lượng cao		
	- Tỷ lệ sinh viên cử nhân khoa học tài năng, chất lượng cao, chuẩn quốc tế trên tổng qui mô đào tạo đại học	10%	15%
	- Tỷ lệ qui mô đào tạo liên kết quốc tế trên tổng qui mô đào tạo	1%	2%
1.4.	Đội ngũ cán bộ		
	- Tổng số cán bộ	1.000	1.200
	- Tỷ lệ cán bộ khoa học trên tổng số cán bộ	75%	75%
	- Tỷ lệ cán bộ khoa học có trình độ TS trở lên	85%	90%
	- Tỷ lệ cán bộ khoa học có chức danh GS, PGS	40%	45%
	- Tỷ lệ người học trên giảng viên (tính sau qui đổi)	14	14

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu	
		2035	2045
1.5.	Sinh viên		
	- Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn	60%	80%
	- Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp	80%	90%
	- Tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm sau khi tốt nghiệp	90%	95%
	2. Nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo		
2.1.	Công bố khoa học		
	- Số công bố trung bình của cán bộ khoa học	2	2,5
	- Số công bố ở danh mục WoS/Scopus trung bình của cán bộ khoa học	1,5	2,0
	- Tỷ lệ công bố thuộc nhóm Q1, Q2 theo xếp hạng Scimago	65%	80%
2.2.	Phát minh, sáng chế		
	- Số lượng đơn đăng ký sở hữu trí tuệ được chấp nhận hợp lệ/năm	40	60
	- Số lượng bằng sở hữu trí tuệ được cấp/năm	15	20
2.3.	Số lượng sản phẩm khoa học công nghệ được chuyển giao hoặc thương mại hóa/năm	10	20
2.4.	Phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu		
	- Số lượng phòng thí nghiệm/Trung tâm nghiên cứu trọng điểm	10	15
	- Số lượng nhóm nghiên cứu mạnh	30	45
2.5.	Tỷ lệ giải thưởng về học thuật ở cấp Bộ, Quốc gia, Quốc tế của cán bộ trên tổng số cán bộ khoa học cơ hữu trong 5 năm gần nhất	0,5%	0,5%
2.6.	Kinh phí nghiên cứu trung bình (từ các nguồn khác nhau, không tính đầu tư cho cơ sở vật chất) trên cán bộ khoa học cơ hữu trong 3 năm gần nhất	200 triệu	400 triệu
2.7.	Tỷ lệ nguồn thu từ hoạt động đổi mới sáng tạo trên tổng nguồn thu từ hoạt động khoa học công nghệ	5%	10%
	3. Hội nhập quốc tế		
3.1.	Tỷ lệ người học có quốc tịch nước ngoài tham gia học tập (từ cấp độ có chứng nhận,	2%	3%

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu	
		2035	2045
	trao đổi ngắn hạn tới học tập toàn khoá)		
3.2.	Tỉ lệ cán bộ khoa học có quốc tịch nước ngoài (đến giảng dạy tối thiểu 01 chuyên đề hoặc có thời gian giảng dạy hoặc nghiên cứu tại trường liên tục tối thiểu 3 tháng) trên quy mô cán bộ khoa học cơ hữu	3%	5%
3.3.	Tỉ lệ cán bộ khoa học cơ hữu đi giảng dạy và nghiên cứu tại trường đại học ở nước ngoài tối thiểu 01 chuyên đề hoặc có thời gian đi trao đổi ít nhất 3 tháng	5%	8%
3.4.	Tỉ lệ sinh viên đi học hoặc thực tập tại trường đại học ở nước ngoài có tín chỉ được công nhận chuyển đổi.	2%	3%
	4. Xếp hạng đại học		
4.1.	Số lĩnh vực xếp hạng thuộc nhóm 500 thế giới	5	6
4.2.	Số lĩnh vực xếp hạng thuộc nhóm 300 thế giới	1	3
	5. Tài chính		
5.1.	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	10%-20%	10%-20%
5.2.	Tỉ số tăng trưởng bền vững	2%	3%
	6. Kết nối và phục vụ cộng đồng		
6.1.	Số lượng hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được tổ chức trong năm học.	40	50
6.2.	Tỷ lệ cán bộ, sinh viên tham gia kết nối và phục vụ cộng đồng trong năm học.	25%	35%
6.3.	Số lượng tổ chức, địa phương nhận tác động tích cực từ hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng trong năm học	50	75